

CHẾ ĐỊNH CHUYỂN YÊU CẦU ĐÒI BỒI HOÀN TRONG PHÁP LUẬT BẢO HIỂM TÀI SẢN

Nguyễn Thị Thủy*

Đỗ Lệnh Quân**

*PGS.TS. GV. Trường đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh

**ThS. Công ty THHH đầu tư Ngôi sao Sài Gòn

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Chuyển yêu cầu đòi bồi hoàn; pháp luật bảo hiểm tài sản.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 10/04/2021

Biên tập : 22/05/2021

Duyệt bài : 25/05/2021

Article Information:

Keywords: Transfer of compensation claim; legal regulations on property insurance.

Article History:

Received : 10 Apr. 2021

Edited : 22 May 2021

Approved : 25 May 2021

Tóm tắt:

Chuyển yêu cầu đòi bồi hoàn là một chế định khá đặc thù trong bảo hiểm tài sản. Mục đích của chế định này là nhằm giúp doanh nghiệp bảo hiểm được quyền đòi lại khoản tiền bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm nếu tổn thất xảy ra do lỗi của người thứ ba. Việc bên được bảo hiểm phải chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn sang doanh nghiệp bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm đòi người thứ ba bồi hoàn khoản thiệt hại do lỗi của người thứ ba gây ra là hoàn toàn hợp lý về mặt lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, quy định của pháp luật về vấn đề này vẫn còn một số bất cập, gây trở ngại cho việc áp dụng chế định này trong thực tiễn.

Abstract:

The legal provision on transfer of compensation claim is a rather specialised one in property insurance. The purpose of this provision is to help the insurance company have the right to recover the compensation money that has been indemnified to the insured party if the loss is caused by the fault of a third party. The fact that the insured party have to transfer the right of claim to the insurance company so that it can claim the third party's compensation for the damage caused by the third party's fault is completely logical viewpoints and practice. However, the legal provisions on this matter still have some shortcomings, which might hinder its application in practices.

1. Cơ sở hình thành chế định chuyển yêu cầu đòi bồi hoàn

Khoản 1 Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS) quy định: “*Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận, trừ các trường hợp pháp luật không cho phép*”. Quy định này cho thấy, khi có phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên liên quan trong giao dịch dân sự, bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu theo thỏa thuận cho bên thứ ba gọi là bên thế quyền để thực hiện quyền yêu cầu đó, trừ

trường hợp bên có quyền và bên có nghĩa vụ có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về việc không được chuyển giao quyền yêu cầu.

Sau khi bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ chuyển giao quyền yêu cầu theo thỏa thuận cho bên thứ ba thì bên có quyền yêu cầu sẽ chấm dứt mối quan hệ với bên có nghĩa vụ cũng như không phải chịu trách nhiệm về khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ; bên thứ ba lúc này trở thành người thế quyền có đầy đủ tư cách chủ thể của bên có quyền yêu cầu trước đó và có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đối với bên có nghĩa vụ theo quy

định của pháp luật. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không làm thay đổi nội dung quan hệ nghĩa vụ, không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ; nội dung này cũng phù hợp với quy định trong BLDS: “Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ”¹. Tuy nhiên, người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu: “Người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp bên chuyển giao quyền yêu cầu không thông báo về việc chuyển giao quyền mà phát sinh chi phí cho bên có nghĩa vụ thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí này”².

Về hình thức, việc chuyển giao quyền yêu cầu giữa bên có quyền yêu cầu và bên nhận chuyển giao quyền yêu cầu có thể thực hiện bằng văn bản hoặc lời nói hoặc các hình thức khác theo luật định³.

Quan hệ bảo hiểm tài sản thực chất là quan hệ dân sự; do vậy, bản chất chuyển giao quyền yêu cầu trong bảo hiểm tài sản cũng gần giống với bản chất của chuyển giao quyền yêu cầu trong quan hệ dân sự. Tuy nhiên, với những đặc trưng của bảo hiểm tài sản thì cách thức và nội dung của chuyển giao quyền yêu cầu cũng có những nét đặc thù riêng. Cụ thể, rủi ro trong bảo hiểm tài sản được chia làm hai nhóm chính: rủi ro từ thiên nhiên và rủi ro do con người tạo ra. Những rủi ro từ thiên nhiên là rủi ro do tự nhiên mà có, không phải xuất phát từ hành động của con người; rủi ro do con người tạo ra là những yếu tố được tạo nên từ hành động của con người. Việc phân loại rủi ro trên đây là cơ sở để xác định các quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan khi sự kiện bảo hiểm xảy ra. Cụ thể, đối với những rủi ro do thiên nhiên tạo ra, doanh nghiệp bảo hiểm phải tự

gánh chịu tổn thất vì yếu tố rủi ro ở đây không do một chủ thể nào tạo ra, nó không phải là hệ quả của hành vi của con người. Vì vậy, ở góc độ pháp lý, không một ai phải chịu trách nhiệm do hậu quả của thiên nhiên mang lại. Tuy nhiên, nếu rủi ro này do con người tạo ra, người ta sẽ phải xem xét đến yếu tố động cơ và mục đích của hành vi nhằm xác định trách nhiệm phát sinh từ hành vi đó. Sở dĩ trong bảo hiểm tài sản, các bên phải lưu ý đến yếu tố này vì không thể một người thực hiện hành vi trái pháp luật gây ra tổn thất cho người khác rồi tổn thất này sẽ được doanh nghiệp bảo hiểm gánh chịu thay. Việc gánh chịu tổn thất trong bảo hiểm tài sản là sự gánh chịu cho người được bảo hiểm chứ không phải cho người gây ra tổn thất. Như vậy, nhìn từ góc độ pháp lý, khi một chủ thể có hành vi gây thiệt hại đối với người khác họ sẽ phải có trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do mình gây ra. Trong khoa học pháp lý, trường hợp này được gọi là quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Ở đây, chúng ta xem xét đến mối quan hệ giữa bảo hiểm tài sản và quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xác định trách nhiệm bồi thường của các bên khi có thiệt hại xảy ra. Nếu nhìn nhận về góc độ thời gian, quan hệ bảo hiểm phải được hình thành trước, do thiệt hại trong bảo hiểm phải từ rủi ro mang lại và tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, rủi ro phải chưa xảy ra. Như vậy, quan hệ bồi thường trong bảo hiểm là quan hệ được các bên thỏa thuận trước với những điều kiện và điều khoản đã được xác lập trong hợp đồng bảo hiểm. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm không phải phát sinh từ hành vi gây thiệt hại mà phát sinh từ cam kết gánh chịu rủi ro. Do đó, khi có thiệt hại xảy ra, doanh nghiệp bảo hiểm phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường trước, tức là phải thực hiện nghĩa vụ gánh chịu tổn thất như đã cam kết trong hợp đồng. Tuy nhiên, khi rủi ro này là do con người tạo ra thì quan hệ bảo hiểm không thể chỉ dừng lại ở việc

¹ Khoản 2 Điều 365 BLDS.

² Khoản 2 Điều 365 BLDS.

³ Điều 119 BLDS.

doanh nghiệp bảo hiểm hoàn tất trách nhiệm bồi thường của mình mà nó còn phát sinh trách nhiệm của người gây ra thiệt hại đối với bên được bảo hiểm. Trong quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, về nguyên tắc, người gây ra thiệt hại phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bên bị thiệt hại. Tuy nhiên, vì người bị thiệt hại đã tham gia vào quan hệ hợp đồng bảo hiểm tài sản và đã được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường nên bên mua bảo hiểm không được tiếp tục đòi người gây ra thiệt hại bồi thường cho mình (trừ trường hợp số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm chỉ trả cho bên mua bảo hiểm nhỏ hơn thiệt hại xảy ra). Từ đây hình thành nên việc chuyển yêu cầu đòi bồi thường từ bên mua bảo hiểm sang doanh nghiệp bảo hiểm. Cụ thể, bên mua bảo hiểm, với tư cách là người có quyền trong quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, sẽ chuyển giao quyền yêu cầu sang cho doanh nghiệp bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm đòi lại người gây ra thiệt hại trả lại cho mình khoản tiền đã bồi thường cho bên mua bảo hiểm.

Từ quy định về *chuyển giao quyền yêu cầu* trong BLDS cho thấy, *chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản* được hình thành dựa trên chế định chuyển giao quyền yêu cầu trong BLDS, từ đó cho phép doanh nghiệp bảo hiểm nhận chuyển giao quyền yêu cầu từ bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ và trở thành người thế quyền có quyền yêu cầu người thứ ba gây ra thiệt hại cho tài sản được bảo hiểm phải bồi hoàn lại cho mình số tiền bảo hiểm đã trả cho bên được bảo hiểm.

2. Các yếu tố làm phát sinh việc chuyển yêu cầu đòi người thứ ba bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản

- Hợp đồng bảo hiểm

Điều 12 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (Luật KDBH) quy định: “*Hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm*”. Nói cách khác, hợp đồng bảo hiểm là sự thỏa

thuận bằng văn bản giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ nhất định của các bên trong quá trình mua bảo hiểm và chi trả bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm tài sản có đối tượng bảo hiểm là vật có thực, tiền, giấy tờ có giá và quyền về tài sản. Tuy nhiên, khi tài sản là đối tượng của bảo hiểm tài sản thì phải đảm bảo hai yếu tố sau:

Thứ nhất, phải tồn tại tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản. Sở dĩ, có lý do này là vì bản chất của bảo hiểm tài sản là bên mua bảo hiểm chuyển giao những tổn thất do các rủi ro được bảo hiểm gây ra đối với tài sản cho doanh nghiệp bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm gánh chịu thay, vì vậy phải có sự tồn tại thực tế của tài sản cần bảo hiểm.

Ví dụ: Khi muốn mua bảo hiểm tài sản đối với một công trình xây dựng thì công trình đó cần phải thuộc dự án đã được cấp phép, chủ đầu tư công trình phải chứng minh đủ điều kiện tài chính để hoàn thành xây dựng công trình; công trình đó phải bảo đảm về mặt pháp lý và tài chính. Khi muốn mua bảo hiểm vật chất xe thì người mua bảo hiểm đã phải có xe và giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với chiếc xe.

Thứ hai, tài sản bảo hiểm phải định giá được bằng tiền vì phí bảo hiểm được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản. Hơn nữa, giá trị tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm là giới hạn mức trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm. Chính vì vậy, tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên phải tính được giá trị của tài sản bảo hiểm thì mới tính được phí bảo hiểm, từ đó mới xác định được mức trả tiền bảo hiểm tối đa của doanh nghiệp bảo hiểm đối với người được bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Hợp đồng bảo hiểm tài sản là *cơ sở phát sinh chuyển yêu cầu đòi người thứ ba bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản* vì nó là cơ sở hình thành quan hệ bảo hiểm, mà muốn có quan hệ chuyển yêu cầu đòi người thứ ba bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản thì phải có quan hệ bảo hiểm.

- Phải có sự kiện bảo hiểm xảy ra, nguyên nhân dẫn đến tổn thất là do hành vi có lỗi của người thứ ba gây ra đối với tài sản được bảo hiểm và phải nằm trong phạm vi bảo hiểm

Sự kiện bảo hiểm xảy ra và nguyên nhân dẫn đến tổn thất là do hành vi có lỗi của người thứ ba gây ra đối với tài sản được bảo hiểm phải nằm trong phạm vi bảo hiểm là một trong các *cơ sở hình thành nên việc chuyển yêu cầu đòi người thứ ba bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản* vì: “Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm mục đích sinh lợi, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm, trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm”⁴. Đã là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền lựa chọn rủi ro để bảo hiểm vì nếu là các rủi ro hàng loạt sẽ dễ dẫn đến doanh nghiệp bảo hiểm bị phá sản. Do đó, nếu có sự kiện bảo hiểm xảy ra là do hành vi có lỗi của người thứ ba gây ra đối với tài sản được bảo hiểm nhưng rủi ro gây ra thiệt hại này lại *không nằm trong phạm vi bảo hiểm hoặc nằm trong trường hợp bị loại trừ* thì khi đó, doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm phải bồi thường cho bên mua bảo hiểm và cũng có nghĩa là sẽ không có việc chuyển yêu cầu đòi người thứ ba bồi hoàn. Lúc này, bên mua bảo hiểm chỉ có thể yêu cầu bên gây ra thiệt hại bồi thường theo chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định trong luật dân sự mà thôi.

- *Có thiệt hại thực tế xảy ra và có lỗi*

Bản chất của bồi thường nói chung là sự bù đắp thiệt hại. Trong quan hệ bồi thường dân sự nói chung và bồi thường trong bảo hiểm tài sản nói riêng, nếu có thiệt hại thực tế xảy ra đối với tài sản thì bên bị thiệt hại mới có quyền yêu cầu bên gây ra thiệt hại bồi thường. Đồng thời, vì bên bị thiệt hại có quyền yêu cầu bên gây ra thiệt hại bồi thường thiệt hại nên sau khi doanh nghiệp bảo hiểm đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường cho bên được bảo hiểm thì việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm sẽ diễn ra. Khi đó, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ trở thành bên

thế quyền hay chủ thể mới có quyền yêu cầu bên thứ ba thực hiện hành vi có lỗi gây ra thiệt hại cho tài sản được bảo hiểm trả lại cho mình khoản tiền đã bồi thường cho bên được bảo hiểm và khi đó việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản mới được xác lập. Do vậy, thiệt hại thực tế xảy ra là cơ sở cho việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản.

Có thể nói rằng, thiệt hại không chỉ là nền tảng cơ bản mà còn là điều kiện bắt buộc của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, từ đó xác lập nên việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản.

Ngoài ra, khi xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, các bên cũng cần quan tâm đến yếu tố lỗi của bên thứ ba thực hiện hành vi gây ra thiệt hại cho tài sản được bảo hiểm. Do pháp luật kinh doanh bảo hiểm *không có quy định cụ thể về lỗi của bên thứ ba* gây ra thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm; vì vậy cần phải quay lại quy định về lỗi trong luật dân sự tức là gồm cả “lỗi cố ý và lỗi vô ý”⁵ để giải quyết vấn đề: *thiệt hại thực tế xảy ra là cơ sở cho việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản*.

- *Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải hoàn thành trách nhiệm bồi thường trước cho bên được bảo hiểm khi có thiệt hại do bên thứ ba gây ra đối với tài sản được bảo hiểm*

Yếu tố này được hình thành trên cơ sở, trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm *không phát sinh từ hành vi gây thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm mà phát sinh từ cam kết gánh chịu rủi ro thay cho người được bảo hiểm*. Do vậy, nếu có thiệt hại xảy ra do lỗi của người thứ ba gây ra đối với tài sản được bảo hiểm thì trước tiên doanh nghiệp bảo hiểm phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm theo cam kết trong hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, do thiệt hại này là do lỗi của người thứ ba gây ra, và theo quy định của pháp luật dân sự, khi một người gây ra thiệt hại cho người khác thì phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Chính vì vậy,

⁴ Khoản 1 Điều 3 Luật KDBH.

⁵ Điều 364 BLDS.

sau khi doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường bảo hiểm, tức đã thực hiện xong trách nhiệm trả tiền bảo hiểm, họ được quyền đòi lại số tiền họ đã trả do lỗi của người thứ ba gây ra.

Do vậy, có thể nói rằng, doanh nghiệp bảo hiểm hoàn thành trách nhiệm bồi thường trước cho bên được bảo hiểm khi có thiệt hại do bên thứ ba gây ra đối với tài sản được bảo hiểm là *một trong các cơ sở hình thành việc chuyển quyền yêu cầu đòi (người thứ ba) bồi thường trong bảo hiểm tài sản.*

3. Các quy định của pháp luật về chuyển quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản và kiến nghị hoàn thiện

3.1. Xác định lỗi và trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người thứ ba

- Xác định lỗi của người thứ ba đối với thiệt hại của người được bảo hiểm

Chế định chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản chỉ có thể được áp dụng khi người thứ ba phải thực hiện hành vi *có lỗi* gây thiệt hại đến tài sản được bảo hiểm theo quy định của khoản 1 Điều 49 Luật KDBH: “Trong trường hợp *người thứ ba có lỗi* gây thiệt hại cho người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm đã trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm thì người được bảo hiểm *phải chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà mình đã nhận bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm*”. Nghĩa là trách nhiệm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm dựa trên cơ sở hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm với bên được bảo hiểm, còn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người thứ ba phụ thuộc vào yếu tố lỗi gây ra thiệt hại về tài sản đối với bên được bảo hiểm và để thực hiện chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn thì *người thứ ba phải có lỗi*. Tuy nhiên, Luật KDBH chỉ nêu vấn đề có lỗi một cách chung chung mà không xác định cụ thể yếu tố lỗi. Do vậy, cần phải căn cứ BLDS để xác định yếu tố lỗi. Điều 364 BLDS quy định: “Lỗi trong trách nhiệm dân sự bao gồm lỗi cố ý, lỗi vô ý. Lỗi cố ý là trường hợp một người nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc tuy không mong

muốn nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra. Lỗi vô ý là trường hợp một người không thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, mặc dù phải biết hoặc có thể biết trước thiệt hại sẽ xảy ra hoặc thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, nhưng cho rằng thiệt hại sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được”.

Việc phân định lỗi cố ý hay vô ý là cơ sở cho việc xác định mức bồi thường thiệt hại. Điều này cũng phù hợp với khoản 2 Điều 585 BLDS về nguyên tắc bồi thường thiệt hại: “*Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình*”. Như vậy, lỗi vô ý là một trong các yếu tố có thể xét giảm mức bồi thường. Tuy nhiên, việc xác định lỗi của người thứ ba trên thực tế không hề đơn giản. Chẳng hạn, trong các trường hợp hỏa hoạn gây thiệt hại đối với tài sản, dù các cơ quan chức năng đã xác định được nguyên nhân là do sự cố về điện gây cháy nhưng nguyên nhân là do khách quan hay lỗi vô ý chủ quan thì rất khó xác định vì người thứ ba luôn phủ nhận yếu tố lỗi với nhiều lý do hoặc cho rằng sự việc xảy ra là bất khả kháng nhằm chối bỏ trách nhiệm bồi thường. Ngoài ra, việc xác định lỗi của người thứ ba không chỉ là xác định có lỗi hay không mà còn là việc xác định mức độ lỗi gây ra đối với tổng thiệt hại thực tế của tài sản được bảo hiểm để xác định cụ thể mức bồi thường, điều này đã gây tranh cãi khá nhiều trong thực tế vì pháp luật chưa có quy định cụ thể.

Để khắc phục hạn chế nêu trên, các tác giả cho rằng, cần đẩy mạnh việc công bố các án lệ liên quan đến chuyển quyền yêu cầu đòi bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản theo hướng chia sẻ bớt nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà doanh nghiệp bảo hiểm phải gánh chịu cho các bên liên quan nếu các bằng chứng về nguyên nhân gây ra thiệt hại là do sự kiện bất khả kháng chưa có tính thuyết phục. Điều này sẽ đảm bảo sự công bằng cho doanh nghiệp bảo hiểm nói riêng và giữa các bên tham gia quan hệ bảo hiểm nói chung cũng như góp phần nâng cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm trong phòng, chống thiệt hại xảy ra đối với tài sản.

Theo quy trình chuyển giao quyền yêu cầu đòi bồi hoàn, sau khi doanh nghiệp bảo hiểm đã thực hiện xong trách nhiệm bồi thường cho bên được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ trở thành bên thế quyền hay chủ thế mới có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đối với người thứ ba thực hiện hành vi có lỗi gây ra thiệt hại cho tài sản được bảo hiểm bồi hoàn lại cho mình số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả trước đó cho bên được bảo hiểm. Có thể hình dung quy trình chuyển yêu cầu bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản gồm các bước sau:

Bước 1: Xác định mức độ và nguyên nhân tổn thất, lỗi của người thứ ba.

Bước 2: Doanh nghiệp bảo hiểm tiến hành bồi thường cho bên được bảo hiểm.

Bước 3: Bên được bảo hiểm chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm.

Bước 4: Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền yêu cầu người thứ ba thực hiện hành vi có lỗi gây ra thiệt hại cho tài sản được bảo hiểm bồi hoàn lại cho mình số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả trước đó cho bên được bảo hiểm.

Trên thực tế, để đòi lại được toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã trả trước đó cho bên được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm phải chứng minh người thứ ba đã thực hiện hành vi có lỗi và gây ra thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm.

Một trong các bước đầu tiên để chứng minh người thứ ba đã thực hiện hành vi có lỗi và gây ra thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm là giám định, một giai đoạn quan trọng trong quá trình xem xét giải quyết hồ sơ yêu cầu bồi thường trong quan hệ bảo hiểm tài sản. Do vậy, quá trình trên cần có sự tham gia đầy đủ và ký xác nhận biên bản làm việc giữa các bên liên quan như doanh nghiệp bảo hiểm, đơn vị giám định độc lập, bên được bảo hiểm và đặc biệt là người thứ ba gây ra thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm nhằm đảm bảo tính minh bạch và khách quan trong công tác giải quyết bồi thường. Đặc biệt, cần có sự tham gia xuyên

suốt của người thứ ba gây ra thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm. Sở dĩ, phải có sự tham gia xuyên suốt của người thứ ba vì điều này sẽ giúp người thứ ba biết được mức độ thiệt hại đối với tài sản do lỗi của mình gây ra. Ngoài ra, sự tham gia của người thứ ba cũng giúp cho việc giám định, xác định mức độ lỗi được minh bạch và chính xác hơn. Tuy nhiên, việc đề nghị người thứ ba tham gia trong quá trình giám định và ký xác nhận biên bản làm việc cũng gặp nhiều khó khăn vì quy định của pháp luật hiện hành chưa có sự ràng buộc nghĩa vụ của người thứ ba phải tham gia trong quá trình giám định tổn thất đối với tài sản được bảo hiểm bị thiệt hại.

Trên thực tế, khi doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn thì người thứ ba thường đưa ra các lý do để từ chối trách nhiệm bồi hoàn như sau:

(i) Không có lỗi trong việc gây ra thiệt hại.

(ii) Doanh nghiệp bảo hiểm, bên được bảo hiểm đã không thông báo cho người thứ ba biết và cùng tham gia trong quá trình giám định nhằm xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm.

(iii) Không kiểm soát được công tác giám định nên không chấp nhận mức trách nhiệm theo kết quả báo cáo giám định.

(iv) Không chấp nhận số tiền doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho bên được bảo hiểm vì cho rằng số tiền bồi thường bảo hiểm cao hơn so với mức độ thiệt hại thực tế mà người thứ ba đã gây ra đối với tài sản được bảo hiểm v.v..

Việc đưa ra các lý do này nhằm mục đích từ chối trách nhiệm hoặc đẩy một phần trách nhiệm về phía doanh nghiệp bảo hiểm, bên được bảo hiểm nhằm giảm trừ mức bồi thường thiệt hại tối đa nếu phải bồi hoàn cho doanh nghiệp bảo hiểm⁶. Để khắc phục tình trạng trốn tránh trách nhiệm bồi hoàn của bên thứ ba, các tác giả cho rằng, cần phải hoàn thiện các quy định của Luật KDBH như sau:

Thứ nhất, sửa đổi khoản 1 Điều 48 theo hướng: Bổ sung yêu cầu bắt buộc các bên

⁶ Điều 363 BLDS về bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên bị vi phạm có lỗi: “Trường hợp vi phạm nghĩa vụ và có thiệt hại là do một phần lỗi của bên bị vi phạm thì bên vi phạm chỉ phải bồi thường thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của mình”.

liên quan tham gia giám định tổn thất, xử lý bồi thường. Theo đó, khoản 1 Điều 48 Luật KDBH cần được sửa đổi như sau:

“1. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Chi phí giám định tổn thất do doanh nghiệp bảo hiểm chịu. *Quá trình giám định tổn thất, xử lý bồi thường phải có sự tham gia của doanh nghiệp bảo hiểm, bên được bảo hiểm và bên gây ra thiệt hại. Bên được bảo hiểm phải thông báo kịp thời cho bên gây ra thiệt hại các thông tin liên quan đến việc xử lý bồi thường bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, kể cả các thông tin liên quan đến giám định và khắc phục tổn thất*”.

Thứ hai, sửa đổi khoản 2 Điều 49 Luật KDBH theo hướng bổ sung trường hợp người được bảo hiểm không thông báo kịp thời cho người thứ ba các thông tin liên quan đến việc xử lý bồi thường thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền khấu trừ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm. Theo đó, khoản 2 Điều 49 Luật KDBH cần được sửa đổi như sau:

“2. Trong trường hợp người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền cho doanh nghiệp bảo hiểm, không bảo lưu, *không thông báo kịp thời cho người thứ ba các thông tin liên quan đến việc xử lý bồi thường bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm, kể cả các thông tin liên quan đến giám định và khắc phục tổn thất* hoặc từ bỏ quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền khấu trừ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm”.

3.2. Xác định thời điểm thực hiện chuyển quyền yêu cầu đòi bồi hoàn giữa các bên

Theo quy định của khoản 1 Điều 49 Luật KDBH, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn thành xong trách nhiệm bồi thường cho bên được bảo hiểm trước khi trở thành bên thế quyền. Tuy nhiên, khoản 2 Điều này lại quy định, nếu người được bảo hiểm không

bảo lưu quyền yêu cầu hoặc không chuyển giao quyền yêu cầu thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền khấu trừ tiền bồi thường theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm. Do đó, một khi bên được bảo hiểm đã nhận đủ tiền bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm từ doanh nghiệp bảo hiểm nhưng không bảo lưu quyền yêu cầu hoặc không chuyển giao quyền yêu cầu thì khả năng doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện được quyền khấu trừ số tiền bồi thường sẽ khó xảy ra trên thực tế, trừ khi doanh nghiệp bảo hiểm lại phải khởi kiện bằng một vụ tranh chấp khác giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên được bảo hiểm để đòi lại một phần hoặc toàn bộ khoản tiền bảo hiểm đã bồi thường do người được bảo hiểm không bảo lưu quyền khiếu nại hoặc không thực hiện việc chuyển quyền. Như vậy, quy định về thời điểm thực hiện quyền yêu cầu đòi bồi hoàn theo pháp luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành đã vô tình đưa doanh nghiệp bảo hiểm vào thế bị động trong việc áp dụng chế tài đối với người được bảo hiểm khi họ không thực hiện chuyển quyền.

Để khắc phục bất cập nêu trên, cần sửa đổi khoản 1 Điều 49 Luật KDBH theo hướng xác định rõ trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm thì người được bảo hiểm phải chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà người được bảo hiểm được chấp nhận bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm ngay tại thời điểm được doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận bồi thường. Theo đó, khoản 1 Điều 49 Luật KDBH cần được sửa đổi như sau:

“Trong trường hợp người thứ ba có lỗi gây thiệt hại cho người được bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm đã *chấp nhận* trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm thì người được bảo hiểm phải chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn khoản tiền mà mình *được chấp nhận* bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm *ngay tại thời điểm được doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận bồi thường*” ■